

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 941/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Thúy
- Bà Nguyễn Thị Sơn Trang

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Ngô Hoàng Phương Đại- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2025/QĐST-DS ngày 9 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn X.

Địa chỉ: phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cũ);

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Trần Ngọc T – Chức vụ: Trưởng Chi nhánh Bình Chánh; địa chỉ: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ); là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 20/UQ-GĐ ngày 14/3/2025); (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Ấp 1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ); (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962;

Địa chỉ: xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Ấp 1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ

Chí Minh cũ); (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2025; bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được đại diện nguyên đơn ông Võ Trần Ngọc T trình bày:

Ngày 21/02/2023, Quỹ trợ vốn X đã ký hợp đồng liên kết số 002/2023/HĐLK-BC với Tổ hợp tác số 7C, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn X – Chi nhánh Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị Ngọc L là người đại diện cho Tổ hợp tác số 7C, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ký Hợp đồng liên kết với Quỹ trợ vốn X – Chi nhánh Bình Chánh. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác số 7C, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để chăn nuôi, sản xuất – kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ, ... theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng liên kết Quỹ trợ vốn X – Chi nhánh Bình Chánh đã tiến hành trợ vốn cho 02 thành viên vào ngày 23/5/2023, theo phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời gian trợ vốn là 12 tháng, phí trợ vốn là 0.65%/tháng (phí này là chi phí hoạt động của quỹ trợ vốn; phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm là 0.15%/tháng để phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí tiết kiệm cho quỹ trợ vốn; tiết kiệm bắt buộc là 1%/tháng, sẽ được hoàn trả cho các thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn.

Ngày 23/5/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 20.000.000 đồng. Theo hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Thanh T phải góp hàng tháng là 2.100.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 1.220.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 22/5/2024. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thanh T không góp đúng như thỏa thuận. Đến ngày 10/3/2025, bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn còn nợ tổng số tiền là 19.820.000 đồng, trong đó nợ vốn là 18.060.000 đồng, nợ lãi là 1.760.000 đồng và các khoản lãi phát sinh tính đến ngày bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán hết nợ. Sau khi nguyên đơn nộp đơn tại Tòa án thì vào ngày 28/3/2025, bà T đã nộp cho nguyên đơn số tiền 279.000 đồng nợ gốc và 21.000 đồng nợ lãi. Từ đó cho đến nay bà T không thanh toán tiền cho nguyên đơn nữa.

Theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 18/5/2023, bà Nguyễn Thị V cam kết nếu người xin trợ vốn là bà Nguyễn Thị Thanh T không thực hiện trả nợ như đã cam kết thì người có nghĩa vụ trả thay là bà Nguyễn Thị V phải chịu trách nhiệm hoàn trả vốn, phí đầy đủ và đúng hạn cho Quỹ trợ vốn X.

Nay Quỹ trợ vốn X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số nợ cho Quỹ trợ vốn X tổng số tiền tạm tính ngày 30/9/2025 là 19.520.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 17.781.000 đồng, nợ lãi là 1.739.000 đồng. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Nếu bà Nguyễn Thị Thanh T không có khả năng trả nợ thì đề nghị bà

Nguyễn Thị V phải trả nợ thay cho bà T khoản nợ trên.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Quỹ trợ vốn X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền vay theo Đơn đề nghị trợ vốn mà các bên đã ký, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã V, huyện B cũ) nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 13/8/2025 đại diện nguyên đơn ông Võ Trần Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu

vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ đơn đề nghị trợ vốn ngày 18/5/2023 giữa Quỹ trợ vốn X và bà Nguyễn Thị Thanh T với số tiền được duyệt trợ vốn là 20.000.000 đồng; theo phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời gian trợ vốn là 12 tháng, phí trợ vốn là 0.65%/tháng (phí này là chi phí hoạt động của quỹ trợ vốn; phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm là 0.15%/tháng để phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí tiết kiệm cho quỹ trợ vốn; tiết kiệm bắt buộc là 1%/tháng, sẽ được hoàn trả cho các thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thanh T có nhận trợ vốn của Quỹ trợ vốn X. Nội dung đơn đề nghị trợ vốn thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã ngưng thanh toán nợ gốc và lãi của khoản vay từ ngày 28/3/2025 cho đến nay. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 19.520.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 17.781.000 đồng, nợ lãi là 1.739.000 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các khoản 1 Điều 2, khoản 6 Điều 4, Điều 118 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Tại Đơn đề nghị trợ vốn ngày 18/5/2023 của bà T có nội dung: *“Người có nghĩa vụ trả thay (nếu tôi không trả được) là bà Nguyễn Thị V, CCCD: 079162007599, địa chỉ: Khu dân cư V; quan hệ với người xin trợ vốn: Mẹ, nếu người xin trợ vốn không thực hiện theo cam kết trên, thì người có nghĩa vụ trả thay phải chịu trách nhiệm hoàn trả vốn, phí đầy đủ và đúng hạn cho quỹ CCM”*, có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị V. Việc bà V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T trong trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 283 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả nợ khi bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.4] Theo kết quả xác minh của Công an xã T, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị V, sinh năm 1962 thực tế cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà T và bà V không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà T và bà V chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 19.520.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 17.781.000 đồng, nợ lãi là 1.739.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 283, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 2, khoản 6 Điều 4, Điều 118 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn X đối với bà Nguyễn Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho Quỹ trợ vốn X số tiền tính đến ngày tính đến ngày 30/9/2025 là 19.520.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 17.781.000 đồng, nợ lãi là 1.739.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì Quỹ trợ vốn X có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T theo nội dung tại đơn đề nghị trợ vốn ngày 18/5/2023.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 976.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn lại cho Quỹ trợ vốn X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 495.500 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 0001933 ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa